

Số: 3177 /QĐ-VPCNCLQG

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công nhận Tổ chức giám định

#### GIÁM ĐỐC

#### VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;  
Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-TĐC của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường  
Chất lượng Quốc gia ngày 02 tháng 04 năm 2025 v/v quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia;  
Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Công nhận Tổ chức giám định:

#### CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17020:2012 với phạm vi  
công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2:** Tổ chức giám định mang số hiệu: **VIAS 047**

**Điều 3:** Tổ chức giám định được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu  
về công nhận theo quy định hiện hành.

**Điều 4:** Trường hợp Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng cung cấp dịch vụ giám  
định thì Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng phải đăng ký hoạt động và  
được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước  
khi cung cấp dịch vụ này.

**Điều 5:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 11 năm 2025 đến ngày 10 tháng 11  
năm 2030 và Tổ chức Giám định sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

**Điều 6:** Quyết định này thay thế Quyết định số 887.2022/ QĐ - VPCNCL ngày 11 tháng  
11 năm 2022 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng (nay là  
Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia).

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



TS. Trần Thị Thu Hà



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

*(Kèm theo quyết định số /with decision No : 3177 /QĐ - VPCNCLQG ngày 11 tháng 11 năm 2025  
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia / of BoA Director)*

Tên tổ chức giám định: **CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG**  
*Name of Inspection Body: **EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED***

Mã số công nhận: **VIAS 047**  
*Accreditation Code:*

Chuẩn mực công nhận: **ISO/IEC 17020:2012**  
*Accreditation standard:*

Địa chỉ trụ sở chính: **Lô E2B-3, đường D6, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**  
*Head office address: **Lot E2B-3, Street D6, Saigon-Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam***

Địa điểm công nhận: **Lô E2B-3, đường D6, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh**  
*Accreditation locations: **Lot E2B-3, Street D6, Saigon-Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam***

Điện thoại/ Tel: **+84-2871077879**

Email: **VN01\_Inspection\_HCMC@eurofinsasia.com** Website: **www.eurofins.vn**

Loại tổ chức giám định: **Loại A**  
*Type of Inspection: **Type A***

Người đại diện: **Võ Văn Chum**  
*Authorized Person: **Vo Van Chum***

Hiệu lực công nhận đến: **Kể từ ngày 11 / 11 / 2025 đến ngày 10 / 11 / 2030**  
*Period of Validation:*



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

<b>Lĩnh vực giám định</b> <i>Field of Inspection</i>	<b>Nội dung giám định</b> <i>Type and Range of Inspection</i>	<b>Phương pháp, qui trình giám định</b> <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	<b>Địa điểm và bộ phận liên quan</b> <i>Location(s) and relating division(s)</i>
<b>Thuỷ sản</b> <i>Seafoods</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Lấy mẫu</li><li>- Bao bì, ký mã hiệu</li><li>- Chất lượng (Cảm quan, các chỉ tiêu cơ lý)</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Sampling</i></li><li>- <i>Packaging, Markings</i></li><li>- <i>Quality (Sensory, Physical inspection)</i></li></ul>	EVN-IN-R-RD-2-TP-5413	Phòng giám định  <i>Inspection Division</i>
<b>Nông sản:</b> Tiêu, hạt điều nhân, cà phê nhân, bắp, gạo, quế, hồi, chè (trà), bột và tinh bột sắn, hạt và các sản phẩm từ hạt, nhục đậu khấu  <b>Agricultural product:</b> <i>Pepper, cashew nuts, coffee beans, corn, rice, cinnamon, star anise, tea, tapioca flour and starch, nuts and nuts products, nutmeg</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Lấy mẫu</li><li>- Bao bì, ký mã hiệu</li><li>- Chất lượng (Cảm quan, các chỉ tiêu cơ lý)</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Sampling</i></li><li>- <i>Packaging, Markings</i></li><li>- <i>Quality (Sensory, Physical inspection)</i></li></ul>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5430 EVN-IN-R-RD-1-TP-5405 EVN-IN-R-RD-1-TP-5411 EVN-IN-R-RD-1-TP-5422 EVN-IN-R-RD-1-TP-5423 EVN-IN-R-RD-1-TP-5424 EVN-IN-R-RD-1-TP-5428 EVN-IN-R-RD-1-TP-5429 EVN-IN-R-RD-1-TP-27648 EVN-IN-R-RD-1-TP-34659 EVN-IN-R-RD-3-TP-29902	Phòng giám định  <i>Inspection Division</i>



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

<b>Lĩnh vực giám định</b> <i>Field of Inspection</i>	<b>Nội dung giám định</b> <i>Type and Range of Inspection</i>	<b>Phương pháp, qui trình giám định</b> <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	<b>Địa điểm và bộ phận liên quan</b> <i>Location(s) and relating division(s)</i>
<b>Trái cây, rau, củ, quả</b> <i>Fresh Fruits, Vegetables</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất lượng, số lượng, khối lượng, tình trạng ngoại quan; kích thước, độ cứng, độ ngọt</li><li>- <i>Quality, quantity, weight, overall status, size, hardness, brix begree</i></li></ul>	EVN-IN-R-RD-5-TP-38810  (EHC-PQ-8.4-04)	Phòng giám định  <i>Inspection Division</i>
<b>Thực phẩm:</b> Sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh, mứt, kẹo, dầu thực vật, mì gói, chocolate, muối, thực phẩm đóng hộp  <i>Processed foods:</i> <i>Milk and dairy products, cakes, jams, candies, vegetable oils, instant noodles, chocolate, salt, canned foods</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Lấy mẫu</li><li>- Bao bì, ký mã hiệu</li><li>- Chất lượng (Cảm quan, độ ẩm, thành phần dinh dưỡng, các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm, độ ẩm, các chỉ tiêu đặc tính lý hoá)</li><li>- <i>Sampling</i></li><li>- <i>Packaging, Markings</i></li><li>- <i>Quality (sensory, moisture, nutritional ingredients, food safety inspection, moisture, physical and chemical characteristics)</i></li></ul>	EVN-IN-R-RD-3-TP-5618 EVN-IN-R-RD-3-TP-5419 EVN-IN-R-RD-3-TP-5420 EVN-IN-R-RD-3-TP-9889 EVN-IN-R-RD-3-TP-29892 EVN-IN-R-RD-3-TP-29894	Phòng giám định  <i>Inspection Division</i>
<b>Định lượng:</b> Hàng hoá <i>Quantity:</i> <i>cargo</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Số lượng, khối lượng theo cân, kiểm đếm</li><li>- <i>Quantity, Weight by scale, Tally</i></li></ul>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5425 EVN-IN-R-RD-1-TP-5426 EVN-IN-R-RD-1-TP-5427	Phòng giám định  <i>Inspection Division</i>



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

<b>Lĩnh vực giám định</b> <i>Field of Inspection</i>	<b>Nội dung giám định</b> <i>Type and Range of Inspection</i>	<b>Phương pháp, qui trình giám định</b> <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	<b>Địa điểm và bộ phận liên quan</b> <i>Location(s) and relating division(s)</i>
<b>Giám sát xếp hàng / dỡ hàng:</b> Hàng hoá  <b>Loading / discharging supervision:</b> Cargo	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giám sát xếp hàng lên container</li><li>- Tình trạng ngoại quan</li><li>- <i>Supervision of loading into container</i></li><li>- <i>Cargo condition</i></li></ul>	Mục/Clause 6.6 & 6.7 EVN-IN-R-RD-1-TP-5409 Mục/Clause 7.2.1 EVN-IN-R-RD-1-TP-5413 Mục/Clause 7 EVN-IN-R-RD-1-TP-38810 Mục/Clause 7 & 8 EVN-IN-R-RD-1-TP-5618	Phòng giám định  <i>Inspection Division</i>

**Ghi chú/ Note:**

- EVN-IN-R-RD-x-TP-xxxx: Qui trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- Trường Hợp Công Ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng cấp dịch vụ giám định thì Công ty phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Eurofins Sac Ky Hai Dang Company Limited that provides inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

**DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH**  
**LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES**

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định, lần ban hành và / hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình giám định thủy sản <i>Procedure Of Inspection Seafood</i>	EVN-IN-R-RD-2-TP-5413 ver.6-2025
Quy Trình Lấy Mẫu và Giám Định Hàng Nông Sản <i>Sampling and inspection procedure for agricultural goods</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5430 ver.4-2025
Quy trình giám định và phân tích gạo <i>Procedure of analysis and inspection of rice</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5405 ver.8-2025
Quy trình giám định cà phê <i>Procedure of coffee bean inspection</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5411 ver.7-2025
Quy trình giám định và phân tích bắp <i>Procedure of corn inspection</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5422 ver.5-2025
Quy trình giám định tiêu <i>Procedure of pepper inspection</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5423 ver.6-2025
Quy trình giám định điều nhân <i>Procedure of cashew kernel inspection</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5424 ver.5-2025
Quy trình giám định hoa hồi <i>Procedure of star anise inspection</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5428 ver.5-2025
Quy trình giám định quế <i>Procedure of cassia inspection</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5429 ver.5-2025
Quy trình giám định và lấy mẫu trà (chè) <i>Procedure of inspection and sampling of tea</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-27648 ver.3-2025
Quy trình giám định và lấy mẫu tinh bột sắn <i>Procedure of sampling – Testing method casava starch</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-34659 ver.1-2024
Quy trình lấy mẫu hạt và các sản phẩm từ hạt <i>Sampling procedure for grains and grain products</i>	EVN-IN-R-RD-3-TP-29902 ver.2-2024
Trái cây và rau quả tươi - Lấy mẫu <i>Fresh Fruits and Vegetables - Sampling</i>	EVN-IN-R-RD-5-TP-38810 ver.3-2025 (EHC-QP-8.4-04)
Quy trình lấy mẫu giám định thực phẩm (Thương mại) <i>Procedure of food sampling (commercial)</i>	EVN-IN-R-RD-3-TP-5618 ver.2-2025
Quy trình lấy mẫu giám định thực phẩm (Nhà nước) <i>Procedure of food sampling (Gov.)</i>	EVN-IN-R-RD-3-TP-5419 ver.7-2025
Quy trình lấy mẫu giám định mì gói và các sản phẩm ngũ cố dạng sợi ăn liền <i>Sampling process for instant noodles and instant cereal products</i>	EVN-IN-R-RD-3-TP-5420 ver.3-2025
Quy trình giám định và lấy mẫu muối <i>Procedure of inspection and sampling of salt</i>	EVN-IN-R-RD-3-TP-9889 ver.2-2025
Quy trình lấy mẫu Chocolate <i>Procedure of chocolate sampling</i>	EVN-IN-R-RD-3-TP-29892 ver.2-2024



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định, lần ban hành và / hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình lấy mẫu, giám định hàng thực phẩm (đồ hộp) <i>Food sampling and inspection procedures (canned food)</i>	EVN-IN-R-RD-3-TP-29894 ver.3-2025
Quy trình kiểm tra cân <i>Procedure for checking weight scale</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5425 ver. 6-2025
Phương pháp giám định khối lượng qua cân <i>Method for verification of mass using a weighing scale</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5426 ver. 5-2025
Quy trình giám định số lượng (Kiểm đếm) <i>Procedure for quantity verification (Counting)</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5427 ver. 4-2025
Quy trình giám định hàng nông sản <i>Inspection procedure for agricultural goods</i>	EVN-IN-R-RD-1-TP-5409 ver. 5-2025

PKM